TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2025
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đại Đồng.
Ông Phan Mạnh Tưởng.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Hoàng Thị Ngọc Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Bùi Thị A, sinh năm 1993.
Nơi thường trú: thôn L, xã H, huyện M, thành phố H.
- *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989.
Nơi thường trú: thôn L, xã H, huyện M, thành phố H.
(Tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Bùi Thị A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng làm lao động tự do và sinh sống với nhau hạnh phúc tại xã Hợp Tiến cho đến đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng

trong quan điểm lối sống, tính tình không hoà hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T không quan tâm đến chị. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn, gia đình hai bên khuyên giải nhưng đều không có kết quả. Thực tế vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2024 đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn, không có khả năng hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác nhận giữa chị và anh T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn T mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc. Anh T có quan điểm trình bày như sau: Anh xác nhận thời điểm kết hôn, thời điểm mâu thuẫn và ly thân như chị A đã trình bày. Nay chị A xin ly hôn, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung vợ chồng anh xác nhận không có. Ngoài ra, anh có đề nghị giải quyết vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt nên không có quan điểm trình bày nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự, không có vi phạm gì, đã xác định đúng tư cách của đương sự, giải quyết đúng thời hạn của vụ án.

Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T dù được triệu tập và giao các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều không đến làm việc, nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Bùi Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Bùi Thị A khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại thôn La Đồng, xã Hợp Tiến, huyện Mỹ Đức, đã nộp tạm ứng án phí là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp hôn nhân

gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn đều có yêu cầu xin vắng mặt. Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị A và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/10/2018 tại UBND xã Hợp Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị A: Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Chị A thừa nhận mặc dù đã cho anh T nhiều cơ hội nhưng đều không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn. Phía anh T xác nhận thời điểm và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị A trình bày là đúng, vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay, chị T xin ly hôn thì anh cũng nhất trí nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị A và anh T là phù hợp với pháp luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị A và anh T đều xác nhận không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh T đều xác nhận không có tài sản chung và công nợ chung vợ chồng.

- Về án phí: Chị Bùi Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về … án phí và lệ phí Tòa án. **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị A.

1. Chị Bùi Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị A và anh Nguyễn Văn T đều xác nhận không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Bùi Thị A và anh Nguyễn Văn T đều trình bày không có tài sản chung và nợ chung vợ chồng.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị A đã nộp theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 00077052 ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

5. Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- UBND xã Hợp Tiến (nơi đăng ký kết hôn);
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Hồng